# **BÀI 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ SỞ HỮU**

#  **TÀI SẢN, TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC**

#  ***(29 CÂU)***

## **A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

### 1. NHẬN BIẾT (9 CÂU)

**Câu 1:** Quyền khai thác giá trị sử dụng của tài sản và hưởng lợi từ các giá trị sử dụng tài sản đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Quyền quản lí.

B. Quyền sử dụng.

C. Quyền quyết định.

D. Quyền làm chủ.

**Câu 2:** Phương án nào sau đây là trách nhiệm, nghĩa vụ công dân về sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác?

A. Không tôn trọng quyền sở hữu của người khác.

B. Khi vay, nợ không cần trả nợ đầy đủ, đúng hẹn.

C. Không cần bồi thường thiệt hại tài sản khi làm hỏng đồ đã thuê.

D. Không xâm phạm tài sản của người khác.

**Câu 3:** Quyền quyết định đối với tài sản như mua, bán, tặng, cho được gọi là gì?

A. Quyền khai thác.

B. Quyền chiếm hữu.

C. Quyền định đoạt.

D. Quyền tranh chấp.

**Câu 4:** Quyền của công dân đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền nào sau đây?

A. Quyền chiếm đoạt tài sản.

B. Quyền sử dụng tài sản.

C. Quyền sở hữu tài sản.

D. Quyền chiếm hữu tài sản.

**Câu 5:** Đâu **không** phải tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân?

A. Giấy tờ có giá trị.

B. Nhà ở.

C. Con người.

D. Phương tiện đi lại.

**Câu 6:** Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật gồm những loại nào?

A. Chiếm hữu chính đáng và chiếm hữu không chính đáng.

B. Chiếm hữu hạn chế và chiếm hữu nghiêm cấm.

C. Chiếm hữu được ủy quyền và chiếm hữu không được ủy quyền.

D. Chiếm hữu ngay tình và chiếm hữu không ngay tình.

**Câu 7:** Quyền trực tiếp nắm giữ, quản lí tài sản được gọi là?

A. Quyền chiếm hữu.

B. Quyền sử dụng.

C. Quyền định đoạt.

D. Quyền tranh chấp.

**Câu 8:** Điền vào chỗ trống: “Nhà nước ... quyền sở hữu hợp pháp của công dân.”

A. Bảo hộ và chịu trách nhiệm.

B. Công nhận và chịu trách nhiệm.

C. Công nhân và đảm bảo.

D. Công nhận và bảo hộ.

**Câu 9:** Ai là người có quyền định đoạt tài sản?

A. Người có năng lực hành vi hình sự.

B. Người không phạm tội, không trái quy định pháp luật.

C. Người có năng lực hành vi dân sự thực hiện và không trái quy định pháp luật.

D. Người dân nào không bị treo án, ngồi tù đều có quyền.

### 2. THÔNG HIỂU (8 CÂU)

**Câu 1:** Quyền sở hữu **không** gồm quyền nào?

A. Quyền chiếm hữu.

B. Quyền chiếm đoạt.

C. Quyền sử dụng.

D. Quyền định đoạt.

**Câu 2:** Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, công dân **không** có nghĩa vụ nào sau đây?

A. Tôn trọng quyền sở hữu của tổ chức, của tập thể, của Nhà nước.

B. Nhặt được của rơi phải trả lại cho chủ sở hữu hoặc báo cho cơ quan có trách nhiệm xử lý theo pháp luật.

C. Trong quá trình mượn, nếu làm hỏng phải sửa chữa hoặc bồi thường tương ứng với giá trị tài sản.

D. Giành giật, chiếm hữu làm của riêng mình.

**Câu 3:** Công dân không có quyền sở hữu tài sản nào sau đây?

A. Xe máy do mình đứng tên đăng kí.

B. Sổ tiết kiệm do mình đứng tên.

C. Thửa đất do mình đứng tên.

D. Căn hộ do mình đứng tên.

**Câu 4:** Hành vi nào sau đây **không** vi phạm quyền sở hữu tài sản của công dân?

A. Trả nợ đầy đủ và đúng hạn.

B. Mượn và làm mất tài sản của người khác nhưng không chịu bồi thường.

C. Tự ý sử dụng tài sản của người khác khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu.

D. Lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác.

**Câu 5:** Để bảo vệ tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, mỗi công dân **không** được thực hiện các biện pháp nào sau đây?

A. Nắm vững các quy định của pháp luật về quyền sở hữu tài sản của công dân.

B. Chủ động có các biện pháp bảo vệ, quản lý tài sản của bản thân.

C. Đăng ký quyền sở hữu đối với các tài sản có giá trị như ô tô, xe máy.

D. Thực hiện hành vi trái pháp luật, gây thiệt hại lợi ích quốc gia.

**Câu 6:** Nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác **không** thể hiện phẩm chất đạo đức nào?

A. Trung thực.

B. Tự trọng.

C. Liêm khiết.

D. Lưu manh.

**Câu 7:** Để bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của công dân, Nhà nước **không** nên thực hiện các biện pháp nào sau đây?

A. Quy định trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật về quyền sở hữu tài sản của công dân.

B. Xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân.

C. Quản lý, trông coi mọi tài sản thuộc sở hữu của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

D. Tuyên truyền, giáo dục công dân cách thức bảo vệ quyền sở hữu của mình và ý thức tôn trọng quyền sở hữu của người khác.

**Câu 8:** Công dân có quyền sở hữu đối với loại tài sản nào sau đây?

A. Tiền bạc, của cải do cá nhân vô tình nhặt được.

B. Những tài sản của cá nhân do làm ăn phi pháp mà có.

C. Những thu nhập hợp pháp do mình làm ra.

D. Các cổ vật có giá trị văn hoá - lịch sử do cá nhân phát hiện.

### 3. VẬN DỤNG (5 CÂU)

**Câu 1:** Việc ông D cho con gái thừa kế một mảnh đất đứng tên mình là ông thực hiện quyền nào sau đây?

A. Quyền sử dụng.

B. Quyền chiếm hữu.

C. Quyền định đoạt.

D. Quyền tranh chấp.

**Câu 2:** Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đến dưới năm trăm triệu đồng bị phạt tù bao nhiêu năm?

A. Từ 7 năm đến 15 năm.

B. Từ 5 năm đến 15 năm.

C. Từ 5 năm đến 10 năm.

D. Từ 1 năm đến 5 năm.

**Câu 3:** Khi em nhặt được một túi xách nhỏ trong đó có tiền, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào sau đây?

A. Lấy tiền bỏ lại ví.

B. Lặng lẽ giấu làm của riêng.

C. Gửi cơ quan địa phương để trả lại người bị mất.

D. Đem tiền đi mua đồ mình thích để tránh bị phát hiện.

**Câu 4:** Trường hợp nào sau đây vi phạm quyền sở hữu tài sản của công dân?

A. Lấn chiếm đất thuộc quyền sử dụng của người khác để xây nhà.

B. Sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin với sự đồng ý của chủ sở hữu.

C. Phát hiện cổ vật quý hiếm trong vườn nhà, đem nộp cho chính quyền.

D. Cha mẹ cho con ngôi nhà do mình đứng tên.

**Câu 5:** Những trường hợp nào sau đây vi phạm quyền sở hữu tài sản của công dân?

a. Lấn chiếm đất thuộc quyền sử dụng của người khác để xây nhà.

b. Mượn xe máy của bạn đem đi bán.

c. Hết hạn thuê nhà nhưng không chịu trả nhà cho chủ sở hữu.

d. Phát hiện cổ vật quý hiếm trong vườn nhà, đem nộp cho chính quyền.

e. Vay tiền của người khác mà không có khả năng trả nợ.

g. Sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin mà không xin phép.

h. Hái rau, quả trong vườn nhà người khác mà không xin phép.

i. Cha mẹ cho con ngôi nhà do mình đứng tên.

A. b, c, d, e, h, i.

B. a, b, c, e, g, h.

C. c, d, e, g, h, i.

D. a, b, c, d, e, g.

### 4. VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

**Câu 1:** Câu tục ngữ, thành ngữ nào sau đây nói về tôn trọng tài sản của người khác?

A. Vay thì trả, chậm thì đền.

B. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

C. Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.

D. Thắng không kiêu bại không nản.

**Câu 2:** Khi trông thấy bạn cùng lứa tuổi với em đang lấy trộm tiền của một người, em sẽ làm gì ?

A. Làm lơ, lặng thinh.

B. Tiếp tay giúp đỡ bạn để bạn dễ hành động trộm cắp.

C. Ngăn cản hành động của bạn.

D. Hò hét lên, báo cho công an bắt bạn ấy.

**Câu 3:** Công dân có quyền sở hữu đối với những loại tài sản nào sau đây?

a. Những thu nhập hợp pháp do mình làm ra.

b. Những tài sản của cá nhân do làm ăn phi pháp mà có.

c. Của cải do mình để dành.

d. Nhà ở, căn hộ.

e, Các cổ vật có giá trị văn hoá - lịch sử do cá nhân phát hiện.

g. Tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất.

h. Phần vốn, tài sản trong doanh nghiệp do cá nhân hoặc tổ chức đầu tư.

i. Tiền bạc, của cải do cá nhân vô tình nhặt được.

A. a, b, c, e, i.

B. b, d, g, h, i.

C. c, d, e, g, h, i.

D. a, c, d, g, h.

## **B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI**

**Câu 1:** Ông Q cho vợ chồng anh B thuê một căn nhà để ở và có kí kết hợp đồng, trong đó ghi rõ bên thuê nhà không được tự ý thay đổi cấu trúc của căn nhà. Tuy nhiên, trong thời gian thuê nhà, vợ chồng anh B đã tự ý cải tạo, sửa chữa, thay đổi cấu trúc của ngôi nhà để phục vụ nhu cầu sử dụng của mình mà không thông báo, xin phép ông Q.

a. Việc không được tự ý thay đổi cấu trúc căn nhà đã được ghi rõ trong hợp đồng thuê nhà.

b. Vợ chồng anh B đã thông báo, xin phép ông Q để sửa chữa, thay đổi cấu trúc của ngôi nhà thuê.

c. Việc vợ chồng anh B tự ý thay đổi cấu trúc của căn nhà là hành vi vi phạm hợp đồng thuê nhà.

d. Nếu vợ chồng anh B từ chối khôi phục hiện trạng ban đầu của ngôi nhà thì ông Q cũng không có quyền khởi kiện vợ chồng anh B ra tòa án để giải quyết tranh chấp vì ông Q đã cho thuê.

**Trả lời**

a. Đúng.

b. Sai.

c. Đúng.

d. Sai.

**Câu 2:** Chị B được bố mẹ tặng cho một mảnh đất để xây nhà ở và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng nhà ở. Tuy nhiên, vợ chồng anh trai của chị B khi biết chuyện đã bày tỏ thái độ bất mãn, phản đối việc làm của bố mẹ vì cho rằng mảnh đất đó là phần của mình, chị B là con gái nên không có quyền hưởng. Ngày chị B khởi công xây nhà, vợ chồng anh trai đã dẫn theo một số người đến ngăn cản, đe doạ, cấm chị B tiếp tục xây dựng.

a. Vợ chồng anh trai chị B đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng nhà ở.

b. Vợ chồng anh trai của chị B chấp thuận chị B có quyền hưởng mảnh đất bố mẹ tặng.

c. Vợ chồng anh trai dẫn theo một số người đến ngăn cản, đe dọa và cấm chị B tiếp tục xây dựng nhà là hành vi vi phạm pháp luật.

d. Chị B có quyền tiếp tục xây dựng nhà ở trên mảnh đất được bố mẹ tặng nếu đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng, bất chấp sự ngăn cản của vợ chồng anh trai.

**Trả lời**

a. Sai.

b. Sai.

c. Đúng.

d. Đúng.

**Câu 3:** Bố mẹ chị P tặng cho chị một mảnh đất (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trước khi chị kết hôn với anh H. Tuy nhiên, chồng chị P lại yêu cầu chị P cho mình cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện các thủ tục nhập tài sản riêng thành tài sản chung. Khi chị P không đồng ý, anh H đã tỏ thái độ bất mãn, cư xử không đúng mực với chị.

a. Mảnh đất được tặng cho chị P đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b. Bố mẹ chị P tặng cho chị một mảnh đất sau khi chị kết hôn với anh H.

c. Anh H có quyền yêu cầu chị P cho mình cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị P đã được tặng trước khi kết hôn.

d. Mảnh đất tặng cho chị P trước khi kết hôn với anh H là tài sản riêng của chị P.

**Trả lời**

a. Đúng.

b. Sai.

c. Sai.

d. Đúng.

**Câu 4:** Anh C cho anh B thuê chiếc xe ô tô để đi du lịch. Tuy nhiên, đã quá thời hạn cho thuê xe mà anh B vẫn không trả lại xe. Khi biết anh B đã đem xe đi cầm cố tại tiệm cầm đồ gần đó, anh C liền liên lạc với anh B nhưng anh này không nghe điện thoại. Anh C nhiều lần đến nhà để đòi xe nhưng đều không gặp được anh B.

a. Anh C đã cho anh B thuê chiếc xe ô tô để đi công tác.

b. Anh B đã đem chiếc xe ô tô của anh C đi cầm cố tại tiệm cầm đồ gần đó.

c. Anh B đã trả lại xe cho anh C ngay sau khi hết thời hạn cho thuê.

d. Anh B có quyền đem chiếc xe ô tô đi cầm cố vì đã thuê nó từ anh C.

**Trả lời**

a. Sai.

b. Đúng.

c. Sai.

d. Sai.